

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, cần thiết phải sắp xếp, tổ chức bộ máy mới theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; với phương châm “Lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ”; và dựa trên ba trụ cột cơ bản: (1) thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế và góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu (điểm 5 mục III).

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn* (điểm 2 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là vềthuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; ...Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán*” (điểm 2,1 mục III).

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định: *Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế...; để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn.*

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: ... *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*” (điểm 5 Mục II Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ.*

- Ngày 10/12/2025, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế (QLT) số 108/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 quy định:

“Điều 26. Hóa đơn điện tử

...

6. Chính phủ quy định các nội dung sau: loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.”

Điều 27. Chứng từ điện tử

...

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập chứng từ điện tử; phương thức lập chứng từ điện tử, văn bản hành chính thuế điện tử; kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

5. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao tại Luật này và hướng dẫn thực hiện Luật này theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý; quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết; quy định việc xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý thuế.”

- Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Theo đó, Bộ Tài chính được giao chủ trì Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc sắp xếp đơn vị hành chính ở địa phương, về phân cấp, phân quyền, cần thiết phải rà soát các quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, của các Bộ về quản lý thuế đảm bảo cho việc thực hiện thông suốt, không phát sinh vướng mắc.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Qua 05 năm triển khai Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ đã đạt được những kết quả quan trọng như nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế, tăng cường bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, hiện đại hóa công tác

quản lý và giám sát thuế, nâng cao hiệu quả thu ngân sách và biện pháp chống thất thu.

Số lượng hóa đơn điện tử như sau:

Năm	HĐĐT có mã	HĐĐT có mã	HĐĐT bảng tổng hợp	HĐĐT từng lần phát sinh	HĐ từ MTT	Tổng HĐ
Khi triển khai đến 2023	1.798.009.183	1.709.985.132	2.762.496.301	1.409.240		6.271.899.856
2024	1.028.073.030	1.525.244.963	1.593.699.830	778.260	1.366.965.142	5.514.761.225
2025	1.271.790.802	2.287.594.400	1.815.956.275	454.119	3.733.672.840	9.109.468.436
Tổng số	4.097.873.015	5.522.824.495	6.172.152.406	2.641.619	5.100.637.982	20.896.129.517

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát hiện sai sót và kê khai điều chỉnh số liệu khai thuế GTGT như sau

Đơn vị tính: tỷ đồng.

STT	Năm	Số thuế GTGT đầu ra NNT bổ sung điều chỉnh tăng thêm	Số thuế GTGT đầu vào NNT bổ sung điều chỉnh giảm:
1	2023	3.327,31	
2	2024	3.597,23	1.401,18
3	2025	5.853,84	5.669,19
TỔNG CỘNG		12.778.38	7.070,37

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Từ trình bày nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ là yêu cầu tất yếu nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật, bảo đảm cơ sở pháp lý

đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức thực hiện trong thực tiễn, đồng thời phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ phù hợp với nội dung được giao tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và bám sát nguyên tắc cải cách mạnh mẽ công tác quản lý thuế, đẩy mạnh hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ dữ liệu và chuyển đổi số trong quản lý thuế với ba trụ cột Tạo thuận lợi cho người nộp thuế; Nâng cao hiệu lực và trình độ quản lý thuế; Thúc đẩy số hóa quy trình quản lý thuế.

Đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính thuế trên môi trường điện tử, thực hiện các TTHC trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức không phụ thuộc địa giới hành chính. Xây dựng các TTHC toàn trình theo hướng tạo lập “một cửa số” tập trung, duy nhất; đồng thời tăng cường vai trò và trách nhiệm của người nộp thuế, của các bộ, cơ quan tổ chức có liên quan trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- *Thứ nhất*, thể chế hóa chủ trương của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật đề tạo khung khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc chuyển đổi số trong quản lý thuế; tái thiết kế quy trình và hệ thống công nghệ thông tin theo hướng tự động hóa, tích hợp, ra quyết định thông minh, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế.

- *Thứ hai*, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, việc xây dựng Nghị định thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo khả thi, hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật.

- *Thứ ba*, kế thừa những nội dung còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý để phù hợp với quy định của hóa đơn, chứng từ; sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quy định rõ ràng, dễ hiểu nhằm đảm bảo công bằng.

- *Thứ tư*, giảm tối đa thủ tục hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá và lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ. Thủ tục hành chính được gắn với trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức khác có liên quan, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan liên quan.

- *Thứ năm*, đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ). Cụ thể:

1. Đăng ký xây dựng Nghị định: Bộ Tài chính đã có công văn gửi Bộ Tư pháp đề Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

2. Soạn thảo Nghị định

- Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025).

- Bộ Tài chính đã lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan, các tổ chức, cá nhân chịu sự tác động trực tiếp (*bao gồm: Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, VCCI, Hiệp hội Ngân hàng và các ngân hàng thương mại*) tại công văn số; đồng thời thực hiện đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng Pháp luật quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân theo đúng quy trình soạn thảo thông thường của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đến ngày /3/2026, Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của ... cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu sự tác động (0... bộ, ngành, ... hiệp hội,), trong đó có ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định. Đa số các ý kiến góp ý tập trung vào nội dung ... và các nội dung khác mang tính kỹ thuật, câu chữ để phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn (*Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị định đính kèm*).

3. Ngày /4/2026, Bộ Tài chính có công văn sốgửi Bộ Tư pháp đề thẩm định đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ..., Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định.

5. Bộ Tài chính hoàn thiện, chỉnh lý Nghị định và trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng gồm 05 Chương, 43 Điều, bảo đảm kế thừa kết cấu hợp lý của hệ thống văn bản hiện hành, đồng thời điều chỉnh, sắp xếp lại theo hướng rõ ràng, dễ tra cứu, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau:

Chương I - Quy định chung (06 Điều, từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ; bảo quản, lưu trữ; chuyển đổi hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử sang giấy.

Chương II - Quy định về hóa đơn điện tử (14 Điều, từ Điều 7 đến Điều 20) quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến loại hóa đơn, nội dung, thời điểm lập, phương thức sử dụng hóa đơn có mã và không có mã của cơ quan thuế; xử lý sự cố; quyền, nghĩa vụ của người bán, người mua; trách nhiệm của cơ quan thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ.

Chương III - Quy định về chứng từ điện tử (09 Điều, từ Điều 21 đến Điều 29) quy định về loại chứng từ, nội dung, thời điểm lập, phương thức lập, kết nối truyền dữ liệu, trách nhiệm của các bên liên quan.

Chương IV - Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (11 Điều, từ Điều 30 đến Điều 40) gồm 02 mục:

- Mục 1: Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin hóa đơn, chứng từ;
- Mục 2: Tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Chương V - Điều khoản thi hành (03 Điều, từ Điều 41 đến Điều 43) quy định về hiệu lực, chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

- **Phạm vi của dự thảo Nghị định:** quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 4 Điều 27 và khoản 5 Điều 52 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, gồm:

1. Loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ

chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

2. Loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập chứng từ điện tử; phương thức lập chứng từ điện tử, văn bản hành chính thuế điện tử; kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử khoản 4 Điều 27 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

3. Các nội dung về xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn, chứng từ gồm: xây dựng thông tin hóa đơn, chứng từ: nguyên tắc chung; xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ và tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử: nguyên tắc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; tra cứu thông tin hóa đơn điện tử phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường; đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế trách nhiệm của Cục Thuế; trách nhiệm của bên sử dụng thông tin; trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử và kinh phí thực hiện.

- Đối tượng áp dụng:

+ **Dự thảo cơ bản kế thừa** phạm vi đối tượng áp dụng theo Điều 2 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP), bao gồm tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ; người nộp thuế; tổ chức khấu trừ, khai thay, nộp thay; tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử; cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ.

+ **Sửa đổi, bổ sung:** Sửa đổi đối tượng là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác thành tổ chức nước ngoài nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại, nền tảng số khác để phù hợp với Luật QLT số 108/2025/QH15.

+ **Bỏ đối tượng:** “*tổ chức nhận in hóa đơn, chứng từ; tổ chức cung cấp phần mềm tự in chứng từ*” do thực tế hiện nay đã chuyển sang áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, không còn cơ chế đặt in hoặc tự in như trước đây. Đồng thời, dự thảo cũng lược bỏ quy định liệt kê chi tiết cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế, cơ quan hải quan mà chỉ quy định chung là “cơ quan quản lý thuế”.

- Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) gồm 25 điều kế thừa (có chỉnh sửa

câu chữ cho phù hợp), nội dung tại 11 Điều, bổ sung mới nội dung tại 02 Điều mới và lược bỏ 05 nội dung.

2.1. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung (11 Điều)

2.1.1. Giải thích từ ngữ (tại Điều 3): quy định, làm rõ một số thuật ngữ chuyên môn nhằm bảo đảm thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện, gồm 6 khoản trong đó:

- Nội dung mới bổ sung việc tham chiếu các từ ngữ quy định tại Nghị định này có nghĩa như quy định tại Luật Quản lý thuế;

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: (1) Hóa đơn, chứng từ giả; (2) Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ;

- Nội dung kế thừa: (1) hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, (2) hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, (3) hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền; (4) Máy tính tiền; (5) tiêu hủy hóa đơn, chứng từ; (6) Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; (7) Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

2.1.2. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ (tại Điều 4) gồm 6 khoản cơ bản kế thừa quy định của tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP trong đó:

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: nguyên tắc lập hóa đơn; cung cấp dịch vụ cho phù hợp với nguyên tắc tại khoản 5 Điều 26 Luật QLT 108/2025/NĐ-CP.

- Nội dung kế thừa: nguyên tắc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; Việc đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; Dữ liệu hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, dữ liệu chứng từ khi thực hiện các giao dịch nộp thuế, khấu trừ thuế; Hóa đơn tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí.

2.1.3. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (tại Điều 8) Cơ bản kế thừa quy định về đối tượng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế và bổ sung chứng khoán, tài sản mã hóa thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của CQT; và đối tượng sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế; đối tượng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định từ Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong đó:

- Nội dung mới: quy định các trường hợp không sử dụng hóa đơn điện tử được giao tại Điều 26 Luật QLT 108/2025/QH15 bao gồm: (1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân không phải sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; (2) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thông qua sàn thương mại điện tử có chức năng thanh toán, đã được chủ quản sàn thương mại điện tử thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo từng giao

dịch thì không phải lập hóa đơn điện tử, trừ trường hợp người mua yêu cầu thì chủ quản sàn thương mại điện tử có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử giao cho người mua; (3) Đại lý bảo hiểm, cá nhân hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện khấu trừ thuế đối với doanh thu lũy kế đạt ngưỡng doanh thu thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân thì không phải lập hóa đơn điện tử, trừ trường hợp người mua yêu cầu; (4) Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), giao dịch tiền gửi, giao dịch tài chính (chứng chỉ tiền gửi, chứng khoán, phát hành chứng khoán sơ cấp, giấy tờ có giá), bán nợ, giao dịch ngoại tệ và giao dịch sản phẩm phái sinh; (5) Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP không sử dụng hóa đơn điện tử.

Việc bổ sung này nhằm phù hợp với bản chất giao dịch, tránh thủ tục trùng lặp, giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm quản lý thuế đầy đủ. Ngoài ra, dự thảo quy định rõ các trường hợp không phải lập hóa đơn để thống nhất với Nghị định 181/2025/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ, điều chuyển tài sản trong nội bộ doanh nghiệp hoặc khi tổ chức lại doanh nghiệp, nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về thuế giá trị gia tăng và tránh phát sinh nghĩa vụ lập hóa đơn không cần thiết.

- Nội dung bổ sung mới: (1) Hóa đơn từ máy tính tiền không áp dụng đối với hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được thực hiện trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; (2) Trường hợp tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a, điểm b thì không nhất thiết phải đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền.

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: Dự thảo thực hiện chỉnh lý kỹ thuật theo hướng *thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế”* nhằm bảo đảm phạm vi điều chỉnh bao quát đầy đủ các chủ thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư, trong đó “tổ chức kinh tế” được sử dụng để chỉ các chủ thể có tư cách pháp lý thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chỉnh lý này không làm thay đổi chính sách, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan mà nhằm thống nhất thuật ngữ với pháp luật hiện hành, bảo đảm tính bao quát, đồng bộ.

- Nội dung kế thừa: (1) Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT; (2) quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi CQT cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh; (3) Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý; quy định về việc lập hóa

đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính trước đây đã được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

2.1.4. Nội dung của hóa đơn (tại Điều 9) gồm 16 khoản cơ bản kế thừa từ quy định tại Điều 10 Nghị định 123 /2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng một mã số thuế cho nhiều cửa hàng, việc ghi rõ địa chỉ từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn đã được quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP về chính sách và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (2) Đối với hóa đơn điện tử lập theo hình thức ủy nhiệm, yêu cầu thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm được pháp điển hóa từ quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính. Việc nâng quy định này lên cấp Nghị định nhằm bảo đảm thứ bậc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, tăng tính ổn định, minh bạch và xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong quan hệ ủy nhiệm lập hóa đơn; (3) Bổ sung trường hợp người mua là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhưng tại thời điểm mua hàng hóa, dịch vụ không cung cấp mã số thuế là số định danh cá nhân của chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước hoặc không xác lập giao dịch với tư cách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thì giao dịch được xác định là giao dịch với cá nhân không kinh doanh để làm không làm tăng nghĩa vụ của người bán hoặc trách nhiệm pháp lý của người bán khi người mua không cung cấp thông tin; (4) Bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô cần ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng người mua không phải khai tờ khai lệ phí trước bạ; cơ quan thuế sẽ xác định lệ phí trước bạ và thông báo cho người mua số tiền phải nộp ; (5) bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; (6) bổ sung hóa đơn điện tử ủy nhiệm và hóa đơn thương mại không nhất thiết phải có một số chỉ tiêu.

- Nội dung sửa đổi: làm rõ hàng hóa, dịch vụ khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại; hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng phù hợp với quy định của pháp luật, doanh nghiệp được lập hóa đơn tổng hợp cho các giao dịch phát sinh trong tháng, quý phù hợp với kỳ khai thuế giá trị gia tăng của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa.

- Nội dung kế thừa: (1) tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; (2) số hóa đơn; (3) tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán; (4) chữ ký của người bán, chữ ký của người mua; (5) thời điểm ký số; (6) Mã của cơ quan thuế; (7) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, chiết khấu thương mại, khuyến mại (nếu có); (8) Chữ viết, chữ số và đồng tiền thể hiện trên hóa đơn; (9) Nội dung của hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền; (10) Nội dung khác trên hóa đơn; (11) Nội dung hóa đơn bán tài sản công; (12) hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

2.1.5. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 10) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa từ quy định Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung quy định không lập hóa đơn đối với tiền đặt cọc cho dịch vụ đặt phòng, đặt chỗ cho lưu trú do khi đặt cọc thì người bán chưa cung cấp dịch vụ; (2) Bổ sung một số dịch vụ lập hóa đơn theo kỳ: đối với các dịch vụ trước đây đã được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC như dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tin dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức); và bổ sung dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan tài sản mã hóa cho phù hợp với thực tế và Nghị quyết 05/2025/NQ-CP về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa; (3) bổ sung việc lập hóa đơn hợp đồng bảo hiểm; (4) bổ sung quy định cho phép lập hóa đơn tổng cuối ngày hoặc cuối tháng đối với một số dịch vụ cung cấp cho cá nhân không kinh doanh có hệ thống quản lý giao dịch điện tử, nhằm giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm cung cấp dữ liệu chi tiết khi cơ quan nhà nước yêu cầu.

- Nội dung kế thừa: (1) thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa; (2) lập hóa đơn đối với trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc theo từng mục, công đoạn dịch vụ.

2.1.6. Xử lý cố (Tại Điều 14) gồm 05 khoản cơ bản kế thừa Điều 20 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, đồng thời chỉnh lý kỹ thuật để phù hợp với mô hình tổ chức của Cục Thuế và Hệ thống thông tin quản lý thuế hiện hành, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: hướng dẫn xử lý sự cố khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, sự cố mất điện diện rộng, sự cố viễn thông diện rộng hoặc sự kiện khách quan khác làm cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế không thể thực hiện việc lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đúng thời hạn

- Nội dung sửa đổi cách diễn đạt về việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử khi gặp sự cố được xác định là sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- Nội dung kế thừa: (1) người bán gặp sự cố; (2) lỗi do tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.1.7. Thời điểm lập chứng từ (Điều 23) gồm 02 khoản cơ bản kế thừa quy định tại Điều 31 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản mã hóa đã được khấu trừ thuế

thu nhập cá nhân tại nguồn, tổ chức chi trả, tổ chức khấu trừ không phải lập chứng từ khấu trừ thuế trừ khi người có thu nhập yêu cầu.

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: thời điểm lập chứng từ khấu trừ thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc lập chứng từ tại Điều 4 Nghị định để thống nhất cách hiểu giữa các điều.

- Nội dung kế thừa: thời điểm ký số trên chứng từ

2.1.8. Sử dụng miễn phí dịch vụ về chứng từ điện tử (Điều 27) gồm 03 khoản kế thừa Điều 34 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: hộ, cá nhân kinh doanh có sử dụng dưới 10 người lao động và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được sử dụng miễn phí nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trong việc sử dụng hóa đơn điện tử.

- Nội dung kế thừa: (1) Nhà nước đảm bảo kinh phí; (2) trường hợp NNT sử dụng dịch vụ về chứng từ của tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.1.9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử (Điều 28) gồm 05 khoản, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế phí, lệ phí.

- Nội dung kế thừa: (1) quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản; (2) lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ; (3) Chấp hành sự kiểm tra, đối chiếu của cơ quan quản lý thuế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.1.10. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 35) Cơ bản kế thừa Điều 46 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: đối tượng nhận ủy nhiệm lập hóa đơn là đối tượng sử dụng thông tin.

- Nội dung kế thừa: (1) Cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin; (2) Các bên sử dụng thông tin

2.1.11. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 36) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa Điều 47 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong nhóm là bên sử dụng thông tin là tổ chức kinh tế; bổ sung tổ chức được ủy quyền là bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khác; (2) Bổ sung hình thức cung cấp API chủ động từ Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử do nhiều tổ chức cung cấp giải pháp đang đề nghị được API dữ liệu hóa đơn người nộp thuế theo đề nghị của NNT để phục vụ công tác

hỗ trợ tổng hợp dữ liệu lên tờ khai thuế của NNT; (3) Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

- Nội dung kế thừa: Việc cấp tối đa 02 tài khoản tra cứu.

2.2. Nội dung mới so với các Nghị định hiện hành (tại 02 Điều).

Dự thảo Nghị định bổ sung 02 Điều mới so với Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

2.2.1. Phương thức lập chứng từ điện tử quy định (1) Chứng từ điện tử được lập bằng phương tiện điện tử theo phương thức điện tử trực tiếp trên hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong quản lý thuế; (2) Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực giao dịch phát sinh; tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế, phí và lệ phí

2.2.2 Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử (1) Người nộp thuế, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ về chứng từ điện tử có trách nhiệm thực hiện kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan quản lý thuế thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoặc hệ thống trung gian theo quy định; (2) Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm; (3) Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến việc không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thuế và thực hiện truyền dữ liệu ngay sau khi sự cố được khắc phục; (4) Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết chuẩn kết nối, phương thức truyền nhận, tần suất truyền dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật đối với việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

Việc quy định như trên đảm bảo nguyên tắc cơ bản của chứng từ điện tử theo Luật QLT 108/2025/QH15 và quy định các nguyên tắc về kết nối, tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

2.3. Nội dung bãi bỏ gồm 05 vấn đề sau:

2.3.1. Bãi bỏ quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy

- Việc bỏ các quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy phù hợp với chủ trương chuyển đổi hoàn toàn sang hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

- Bỏ quy định các nội dung liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy tại phần giải thích từ ngữ, nội dung hóa đơn, nội dung chứng từ, bỏ quy định yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua khi gặp sự cố.

2.3.2. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

Bỏ “hóa đơn chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc” trong khái niệm “sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ” để tránh việc người nộp thuế bị xử lý hành vi tăng nặng so với các vi phạm về hóa đơn.

2.3.3. Bỏ quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Bỏ quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh (tại Điều 8 dự thảo Nghị định) đối với trường hợp doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có thanh lý tài sản để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản và sau khi doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể, phá sản và chấm dứt hiệu lực mã số thuế, doanh nghiệp không còn tư cách pháp lý và không còn là chủ thể thực hiện thủ tục hành chính thuế. Hiện nay, hệ thống ứng dụng quản lý thuế hiện hành được thiết kế gắn với mã số thuế của người nộp thuế, do đó, khi mà tài sản còn lại sau giải thể chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần; hoặc khi phá sản hoặc đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì tài sản của doanh nghiệp đã được xử lý xong.

2.3.4. Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ

Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngân hàng do ngân hàng không cung cấp dịch vụ hay thu phí đối với các hoạt động ngoại tệ thực hiện theo pháp luật về tổ chức tín dụng.

2.3.5. Bỏ quy định Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử

Bỏ quy định Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT để giảm thủ tục hành chính cho tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi dữ liệu chứng từ điện tử đã được chuyển cho cơ quan thuế.

3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo bỏ các quy định về hóa đơn do cơ quan thuế đặt in, biên lai giấy theo hình thức đặt in, tự in.

Đồng thời nội dung của hóa đơn (tại Điều 9 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa quy định tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và sửa đổi câu chữ theo hướng rõ ràng, bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô cần ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng bỏ tờ khai lệ phí trước bạ; bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; bỏ thủ tục hành chính khi xử lý sự cố (Mẫu số BC26/HĐG) và việc lập báo cáo biên lai điện tử của tổ chức thu thuế, phí, lệ phí (Mẫu số BC26/BLĐT) do cơ quan thuế đã có dữ liệu biên lai điện tử.

Dự thảo Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thuế chủ yếu bằng phương thức điện tử; cắt giảm thành phần hồ sơ giấy; đơn giản hóa quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo nguyên tắc một lần cung cấp, nhiều lần sử dụng, thời hạn cung cấp thông tin được chuẩn hóa, rút ngắn, quy định rõ, qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

4. Nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định đã phân cấp cho Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số nội dung về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (**tại 11 Điều**), phân cấp cho UBND (1 điều) cụ thể:

4.1. Phân cấp cho Bộ Tài chính/Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn:

- Các trường hợp lập hóa đơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định).
- Các trường hợp rủi ro cao về thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 1 Điều 8);
- Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 2 Điều 8);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo yêu cầu quản lý (khoản 5 Điều 8);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế (khoản 16 Điều 9);
- Các trường hợp khác lập hóa đơn theo kỳ quy ước theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính (điểm a khoản 4 Điều 9);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (khoản 4 Điều 36);
- Sử dụng tem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 3 Điều 39);
- Mẫu hóa đơn điện tử tích hợp biên lai điện tử theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (khoản 6 Điều 4);
- Mẫu đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (điểm b khoản 2 Điều 8);
- Mẫu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (điểm a.1 khoản 3 Điều 16)

4.2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân:

- Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thuế để rà soát, phân loại và có giải pháp thúc đẩy người nộp thuế chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng chưa thực hiện chuyển đổi do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để có giải pháp hỗ trợ kịp thời về hạ tầng công nghệ thông tin (Điều 43)

5. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*: Không có

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định

Việc triển khai thực hiện Nghị định do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết gồm:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định.

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Do vậy, không ảnh hưởng nguồn nhân lực, không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo tổng kết;

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;

(4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc;

(5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, PC, CS 3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn